

TỪ CÔNG DÂN TRUYỀN THÔNG ĐẾN CÔNG DÂN SỐ “NHỮNG BIẾN ĐỔI VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỊ”

Võ Phú Hữu, Trần Văn Hiếu
Đại học Cần Thơ
Email: vphuu@ctu.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, “công dân số” không chỉ là người sử dụng công nghệ mà là chủ thể quyền – nghĩa vụ trong một không gian công (public sphere) mới, nơi dữ liệu, thuật toán và nền tảng số tác động trực tiếp đến pháp quyền, đạo đức xã hội và đời sống chính trị. Bài viết dựa trên cơ sở lý thuyết về công dân và quyền công dân (T.H. Marshall), không gian công và tính hợp lý truyền thông (Habermas), kết hợp khung năng lực công dân số (Council of Europe; DigComp 2.2) để phân tích biến đổi trách nhiệm pháp lý – đạo đức – chính trị khi chuyển từ công dân truyền thống sang công dân số. Cách tiếp cận nghiên cứu là nghiên cứu lý luận gắn phân tích chính sách, đối chiếu các chủ trương, pháp luật và chương trình của Việt Nam về chuyển đổi số, giáo dục và an ninh – an toàn không gian mạng. Kết quả chỉ ra: chính sách hiện hành đã hình thành nền tảng chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số giáo dục, nhưng còn thiếu một khung “giáo dục công dân số” thống nhất, thiếu chuẩn đầu ra và cơ chế đánh giá – phối hợp liên ngành. Bài viết đề xuất 4 nhóm giải pháp khả thi về nhận thức, chương trình, phương pháp tổ chức và cơ chế chính sách nhằm tăng hiệu lực giáo dục chính trị – tư tưởng trong không gian số.

Từ khóa: Công dân số; trách nhiệm pháp lý; đạo đức số; tham gia chính trị trực tuyến; giáo dục chính trị – tư tưởng; quản trị không gian mạng.

FROM TRADITIONAL CITIZENSHIP TO DIGITAL CITIZENSHIP: TRANSFORMATIONS IN LEGAL, ETHICAL, AND POLITICAL RESPONSIBILITIES

Abstract: In the context of globalization and digital transformation, the “digital citizen” is no longer merely a user of technology but a subject of rights and obligations within a new public sphere, where data, algorithms, and digital platforms exert direct influences on the rule of law, social ethics, and political life. Drawing on theoretical foundations of citizenship and civil rights (T.H. Marshall), the public sphere and communicative rationality (Habermas), and integrating digital citizenship competence frameworks (Council of Europe; DigComp 2.2), this article analyzes the transformation of legal, ethical, and political responsibilities in the transition from traditional citizenship to digital citizenship. The study adopts a theoretical research approach combined with policy analysis, examining and comparing Vietnam’s guidelines, legal frameworks, and programs related to digital transformation, education, and cybersecurity. The findings indicate that while current policies have established a foundational framework for national digital transformation and digital transformation in education, they still lack a unified digital citizenship education framework, clearly defined learning outcomes, and effective mechanisms for assessment and intersectoral coordination. Based on these findings, the article proposes four feasible groups of solutions concerning awareness, curriculum design, organizational methods, and policy mechanisms to enhance the effectiveness of political and ideological education in the digital space.

Keywords: Digital citizenship; legal responsibility; digital ethics; online political participation; political and ideological education; cyberspace governance.

Nhận bài: 28.12.2025

Phản biện: 17.01.2026

Duyệt đăng: 22.01.2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số đang tái cấu trúc phương thức sống, làm việc, giao tiếp và tham gia xã hội. Việt Nam xác định chuyển đổi số là trụ cột phát triển, hướng tới “quốc gia số” và “môi trường số an toàn, nhân văn”; đồng thời nhấn mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

Trong giáo dục, Đề án tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giai đoạn 2022–2025, định hướng 2030 đã tạo khuôn khổ triển khai ở quy mô quốc gia.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy “năng lực số” (digital skills) đang được quan tâm mạnh, trong khi “tư cách công dân số” (digital citizenship)—bao gồm tuân thủ pháp luật số, chuẩn mực đạo

đức số và trách nhiệm chính trị trong không gian mạng—chưa được cấu trúc thành một khung giáo dục thống nhất. Khoảng trống này dẫn đến các hệ quả: (i) nhận thức pháp lý phân mảnh về dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ; (ii) lúng túng trước xung đột chuẩn mực đạo đức do nền tảng số, AI, deepfake, “kinh tế chú ý”; (iii) gia tăng rủi ro lệch chuẩn trong tham gia chính trị trực tuyến (tin giả, cực đoan hóa, công kích – kỳ thị), ảnh hưởng niềm tin xã hội và năng lực “tự miễn dịch” trước thông tin sai lệch.

Vì vậy, mục tiêu nghiên cứu của bài viết là: (1) xây dựng khung phân tích biến đổi trách nhiệm pháp lý–đạo đức–chính trị từ công dân truyền thống sang công dân số; (2) phân tích thực trạng

chính sách và triển khai giáo dục liên quan ở Việt Nam; (3) đề xuất nhóm giải pháp cho giáo dục chính trị – tư tưởng nhằm hình thành công dân số có bản lĩnh chính trị, đạo đức và ý thức thượng tôn pháp luật trong không gian mạng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận: khái niệm trung tâm và khung phân tích

2.1.1. Từ “công dân truyền thống” đến “công dân số”

Công dân truyền thống (theo truyền thống lý thuyết quyền công dân) là chủ thể gắn với lãnh thổ – Nhà nước – cộng đồng chính trị, thực thi quyền và nghĩa vụ chủ yếu trong không gian vật lý và các thiết chế trực tiếp.

Công dân số là chủ thể quyền–nghĩa vụ trong không gian số, nơi hành vi (phát ngôn, chia sẻ, giao dịch, tạo dữ liệu) để lại dấu vết, chịu trung gian bởi nền tảng, thuật toán và hạ tầng dữ liệu. Khung năng lực công dân số nhấn mạnh năng lực tham gia dân chủ, quyền con người, an toàn – an ninh, và năng lực truyền thông số; đồng thời khung năng lực số cho công dân (DigComp 2.2) cung cấp hệ tiêu chí về thông tin – dữ liệu, giao tiếp, sáng tạo nội dung, an toàn, giải quyết vấn đề.

2.1.2. Ba miền trách nhiệm: pháp lý – đạo đức – chính trị

Bài viết đề xuất khung 3 miền trách nhiệm (triadic responsibility framework) của công dân số:

Trách nhiệm pháp lý số: tuân thủ hệ quy phạm điều chỉnh dữ liệu, an ninh – an toàn, giao dịch điện tử, sở hữu trí tuệ... Ví dụ: bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP; nghĩa vụ liên quan an ninh mạng theo Luật An ninh mạng 2018; các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử theo Luật Giao dịch điện tử 2023; tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ theo Luật SHTT sửa đổi 2022.

Trách nhiệm đạo đức số: tuân thủ chuẩn mực “tôn trọng – liêm chính – nhân ái – công bằng” trong tương tác số; bảo vệ phẩm giá con người, không gây hại (non-maleficence), trung thực thông tin, văn hóa đối thoại, và năng lực tự kiểm soát trong “kinh tế chú ý”.

Trách nhiệm chính trị số: tham gia không gian công trực tuyến theo hướng hợp pháp – hợp lý – có trách nhiệm, bao gồm: năng lực nhận diện thao túng thông tin, hành vi tham gia thảo luận chính sách văn minh, tôn trọng khác biệt, và đóng góp vào đồng thuận xã hội.

2.1.3. Cơ chế “chuyển hóa” trong giáo dục chính trị – tư tưởng

Từ kinh nghiệm mô hình hóa trong nghiên cứu giáo dục chính trị – tư tưởng ở Việt Nam, có thể vận dụng logic tầng nấc tri thức – giá trị – hành vi như một cơ chế chuyển hóa chuẩn mực thành năng lực công dân (từ “biết” → “tin/đồng thuận” → “làm”) Trên nền đó, bài viết cấu trúc chuyển hóa công dân số thành 3 tầng:

Tầng tri thức: hiểu luật và rủi ro số; hiểu quyền – nghĩa vụ; hiểu cơ chế nền tảng/thuật toán.

Tầng giá trị: hình thành thái độ thượng tôn pháp luật, tôn trọng người khác, tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

Tầng hành vi: thực hành an toàn dữ liệu, ứng xử văn minh, tham gia chính trị trực tuyến có trách nhiệm.

2.2. Thực trạng gắn với chính sách và thực tiễn triển khai ở Việt Nam

2.2.1. Bức tranh chính sách: đã có nền tảng, nhưng thiếu “khung công dân số” thống nhất

Ở tầm chiến lược, Việt Nam định hướng chuyển đổi số quốc gia và môi trường số an toàn, nhân văn; nhấn mạnh chủ động tham gia CMCN 4.0 gắn chuyển đổi số.

Ở lĩnh vực giáo dục, Đề án 131/QĐ-TTg đặt mục tiêu tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn 2022–2025, định hướng 2030.

Ở lĩnh vực giáo dục chính trị – tư tưởng và đời sống văn hóa trên không gian mạng, các chương trình như 1895/QĐ-TTg (2021–2030) và 311/QĐ-TTg (2022–2030) tạo cơ sở triển khai nội dung lý tưởng, đạo đức, lối sống trên không gian mạng.

Nhận xét chính sách: các văn bản hiện hành mạnh về “mục tiêu” và “nhiệm vụ” nhưng chưa kết tinh thành: một chuẩn đầu ra công dân số theo từng bậc học;

một hệ nội dung tích hợp (pháp luật số – đạo đức số – tham gia chính trị số) trong các học phần giáo dục công dân/lý luận chính trị; một cơ chế đánh giá (assessment) dựa trên hành vi và năng lực số có trách nhiệm.

2.2.2. Thực tiễn triển khai: ba lệch pha phổ biến

Lệch pha giữa chuyển đổi số (hạ tầng) và giáo dục công dân số (chuẩn mực): trường học ưu tiên LMS, học liệu số, quản trị số... nhưng chưa tương xứng về giáo dục dữ liệu cá nhân, bản quyền, văn hóa tranh luận, trách nhiệm phát ngôn.

Lệch pha giữa dạy “kỹ năng” và dạy “trách nhiệm”: người học biết thao tác công cụ nhưng thiếu năng lực phân biệt tin giả – thao túng, thiếu kỷ luật dữ liệu, dễ vi phạm bản quyền hoặc chia sẻ thông tin nhạy cảm.

Lệch pha giữa mục tiêu giáo dục chính trị – tư tưởng và môi trường nền tảng: nội dung chính thống đôi khi kém hấp dẫn về hình thức; trong khi đó, nền tảng số khuếch đại nội dung giật gân, gây phân cực, tạo “buồng vang” (echo chamber), khiến việc định hướng giá trị gặp khó khăn.

2.2.3. Vấn đề rủi ro – thách thức mới

Dữ liệu cá nhân trở thành “tài sản rủi ro”: học sinh/sinh viên thường chia sẻ hình ảnh, vị trí, dữ liệu học tập mà không ý thức đầy đủ về đồng ý, mục đích xử lý, và hậu quả lâu dài—điểm then chốt trong khung bảo vệ dữ liệu cá nhân.

AI và deepfake gia tăng “nhiều chuẩn mực”: khó phân biệt thật–giả; tăng nguy cơ bôi nhọ, thao túng cảm xúc tập thể.

Tham gia chính trị trực tuyến vừa mở rộng cơ hội vừa tăng nguy cơ lệch chuẩn: công kích cá nhân, cực đoan hóa, và lan truyền sai lệch; UNESCO nhấn mạnh giáo dục công dân (toàn cầu) trong kỷ nguyên số cần đối diện trực tiếp vấn nạn mis/disinformation và bạo lực trực tuyến.

2.3. Luận giải khoa học: cơ chế tác động và điều kiện chuyển hóa

2.3.1. Cơ chế tác động: từ “hành vi số” đến “hệ quả xã hội”

Trong không gian số, một hành vi nhỏ (chia sẻ, bình luận, đăng tải) có thể:

tạo hệ quả pháp lý (xâm phạm dữ liệu, vi phạm bản quyền, gian lận giao dịch điện tử); tạo hệ quả đạo đức (tôn hại danh dự, kỳ thị, bạo lực ngôn từ); tạo hệ quả chính trị – xã hội (phân cực, suy giảm niềm tin, nhiễu loạn thông tin công).

Điểm mới là: hệ quả này được khuếch đại bởi thuật toán và nền tảng, khiến trách nhiệm công dân mang tính “liên đới” (interdependent): hành vi cá nhân ảnh hưởng chất lượng không gian công cộng.

2.3.2. Điều kiện chuyển hóa: bốn điều kiện tối thiểu

Chuẩn mực rõ (norm clarity): người học phải “biết đúng” (luật, quy tắc, chuẩn mực).

Động cơ giá trị (value motivation): người học “muốn làm đúng” (niềm tin, trách nhiệm).

Năng lực thực hành (practical competence): người học “làm được đúng” (kỹ năng bảo mật, kiểm chứng thông tin, tranh luận văn minh).

Môi trường – thể chế hỗ trợ (enabling environment): nhà trường có quy chế dữ liệu, cơ chế phản hồi, phối hợp gia đình–nhà trường–nền tảng.

Khung này tương thích với định hướng “môi trường số an toàn, nhân văn” của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và các chương trình giáo dục lý tưởng, đạo đức trên không gian mạng.

2.4. Đề xuất nhóm giải pháp khả thi

Nhóm 1. Giải pháp về nhận thức: “định vị lại” công dân số trong giáo dục chính trị – tư tưởng

Xác lập quan điểm: giáo dục công dân số là một cấu phần của giáo dục chính trị – tư tưởng trong điều kiện mới, không tách rời mà bổ sung trực tiếp cho mục tiêu hình thành bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến.

Chuyển trọng tâm từ “khuyến cáo đạo đức” sang “năng lực trách nhiệm”: dạy người học hiểu–đánh giá–quyết định–chịu trách nhiệm.

Nhóm 2. Giải pháp về nội dung chương trình: thiết kế chuẩn đầu ra và mô-đun tích hợp

Đề xuất một khung chuẩn đầu ra công dân số theo 3 miền trách nhiệm:

Pháp lý số (tối thiểu): dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (nguyên tắc, đồng ý, chia sẻ an toàn); an ninh/an toàn thông tin (nhận diện lừa đảo, mật khẩu, 2FA, báo cáo sự cố); bản quyền và liêm chính học thuật số (trích dẫn, chống đạo văn, tôn trọng SHTT); hành vi bị cấm trong giao dịch điện tử và đạo đức giao dịch số.

Đạo đức số (cốt lõi): tôn trọng con người, chống bạo lực ngôn từ; chuẩn mực đối thoại; đạo đức AI ở mức phổ thông/đại học: minh bạch khi dùng AI, tránh gian lận học thuật, nhận diện deepfake.

Chính trị số (cốt lõi): năng lực kiểm chứng và “tự miễn dịch thông tin” trước mis/disinformation; tham gia thảo luận chính sách và vấn đề oăm (public issues) theo hướng văn minh, tôn trọng pháp luật và khác biệt; hiểu biết nền tảng về “quyền công dân trong môi trường số” (digital rights) và trách nhiệm cộng đồng.

Về tích hợp chương trình: gắn khung này vào (i) GD CD/GD KT & PL; (ii) các học phần lý luận chính trị ở đại học; (iii) tuần sinh hoạt công dân; (iv) hoạt động Đoàn–Hội.

Nhóm 3. Giải pháp về phương pháp tổ chức: từ “truyền thụ” sang “tình huống – dự án – thực hành”

Dạy học tình huống (case-based): tình huống rõ ràng dữ liệu lớp học; vi phạm bản quyền khi làm bài; deepfake bôi nhọ; tranh luận chính sách trên mạng xã hội.

Dự án công dân số (project/service learning): dự án “bản đồ rủi ro dữ liệu cá nhân” trong trường; chiến dịch truyền thông “kiểm chứng trước khi chia sẻ”; diễn đàn tranh biện chính sách với quy tắc tranh luận (debate code of conduct).

Đánh giá theo năng lực – hành vi: rubric cho 3 miền trách nhiệm; sản phẩm số có trích dẫn; nhật ký phản tư (reflection log); đánh giá đồng đẳng (peer review).

Các phương pháp này phù hợp định hướng chuyển đổi số giáo dục (không chỉ số hóa công cụ mà đổi mới dạy – học).

Nhóm 4. Giải pháp về cơ chế chính sách: chuẩn hóa – phối hợp – bảo đảm điều kiện

Chuẩn hóa (standardization): ban hành hướng dẫn/khung năng lực công dân số theo cấp học (tham chiếu Council of Europe, DigComp 2.2).

Quản trị dữ liệu trong nhà trường: quy chế thu thập–lưu trữ–chia sẻ dữ liệu học sinh/sinh viên theo nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Bồi dưỡng giáo viên và giảng viên: chuẩn năng lực tích hợp pháp luật số–đạo đức số–kỹ năng sử dụng số; tập huấn xử lý sự cố và hỗ trợ tâm lý khi xảy ra bạo lực mạng.

Phối hợp liên ngành: giáo dục–thông tin truyền thông–công an–đoàn thể; gắn với các chương trình giáo dục lý tưởng/đạo đức trên không gian mạng.

Cơ chế giám sát – đánh giá: bộ chỉ số hằng năm về an toàn dữ liệu trường học, vi phạm bản quyền/đạo văn, mức độ văn minh tranh luận và năng lực kiểm chứng thông tin.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Bài viết khẳng định: chuyển từ công dân truyền

thống sang công dân số là một biến đổi cấu trúc về quyền – nghĩa vụ – trách nhiệm trong không gian công mới, nơi dữ liệu và nền tảng số khuếch đại hệ quả xã hội của hành vi cá nhân. Đóng góp lý luận của nghiên cứu là đề xuất khung 3 miền trách nhiệm (pháp lý–đạo đức–chính trị) và cơ chế chuyển hóa theo tầng tri thức–giá trị–hành vi, từ đó chỉ ra yêu cầu tái thiết kế giáo dục chính trị – tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số. Đóng góp thực tiễn là các nhóm giải pháp khả thi về nhận thức, chương trình, phương pháp và cơ chế chính sách, bám sát nền tảng chính sách hiện hành của Việt Nam về chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số giáo dục và giáo dục lý tưởng, đạo đức trên không gian mạng.

Hạn chế bài viết thuộc nghiên cứu lý luận – phân tích chính sách, chưa kiểm định bằng dữ liệu khảo sát diện rộng theo vùng miền/cấp học. Hướng nghiên cứu tiếp theo: (i) đo lường năng lực công dân số theo 3 miền trách nhiệm; (ii) đánh giá tác động của can thiệp chương trình (module) lên hành vi số; (iii) nghiên cứu vai trò thuật toán/nền tảng đối với xã hội hóa chính trị và niềm tin xã hội của thanh niên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06)*.

Chính phủ. (2022). *Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/08/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng*.

Chính phủ. (2020). *Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử*.

Trần Minh Tùng, & Lê Thị Thanh Tịnh. (2025). “Giáo dục quyền công dân số tại Việt Nam: Thực tế và kì vọng từ góc nhìn của giáo viên.” *Tạp chí Giáo dục*, 25 (Số đặc biệt 10, 11/2025).